

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ QUÝ ĐÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông cấp Tiểu học, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	43	8	11	12	7	5
II	Tổng số học sinh 2 buổi/ngày	2055	373	518	586	338	240
	Tỷ lệ	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
	Tổng số học sinh 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0
	Tỷ lệ	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
III	Số học sinh chia theo năng lực						
A	Tự phục vụ, tự quản						
1	Tốt	1967	362	483	545	337	240
	Tỷ lệ	95.7	97,1	93,2	93	99,7	100
2	Đạt	87	11	34	41	1	
	Tỷ lệ	4.2	2,9	6,6	7	0,3	
3	Cần cố gắng	1		1			
	Tỷ lệ	0.1		0,2			
B	Hợp tác						
1	Tốt	2017	364	513	567	333	240
	Tỷ lệ	98.2	97,6	99	96,8	98,5	100
2	Đạt	38	9	5	19	5	
	Tỷ lệ	1.8	2,4	1	3,2	1,5	
3	Cần cố gắng						
	Tỷ lệ						
C	Tự học và giải quyết vấn đề						
1	Tốt	1940	363	490	527	324	236
	Tỷ lệ	94.4	97,3	94,6	89,9	95,9	98,3
2	Đạt	115	10	28	59	14	4

			2,7	5,4	10,1	4,1	1,7
	Tỷ lệ	5,6					
3	Cần cố gắng						
	Tỷ lệ						
	Ngôn ngữ	1477					
		1419	363	496	560		
1	Tốt						
	Tỷ lệ	96,1	97,3	95,8	95,6		
		57	10	21	26		
2	Đạt						
	Tỷ lệ	3,9	2,7	4,1	4,4		
		1		1			
3	Cần cố gắng						
	Tỷ lệ	0,1		0,2			
	Tính toán						
		1397	363	491	543		
1	Tốt						
	Tỷ lệ	94,6	97,3	94,8	92,7		
		78	10	26	42		
2	Đạt						
	Tỷ lệ	5,3	2,7	5	7,2		
		2		1	1		
3	Cần cố gắng						
	Tỷ lệ	0,1		0,2	0,2		
	Khoa học						
		1444	369	513	562		
1	Tốt						
	Tỷ lệ	97,8	98,9	99	95,9		
		33	4	5	24		
2	Đạt						
	Tỷ lệ	2,2	1,1	1	4,1		
3	Cần cố gắng						
	Tỷ lệ						
	Công nghệ						
		574			574		
1	Tốt						
	Tỷ lệ	98			98		
		12			12		
2	Đạt						
	Tỷ lệ	2			2		
3	Cần cố gắng						
	Tỷ lệ						
	Tin học						

1	Tốt	569			569		
	Tỷ lệ	97,1			97,1		
2	Đạt	17			17		
	Tỷ lệ	2,9			2,9		
3	Cần cố gắng						
	Tỷ lệ						
	Thâm mỹ						
1	Tốt	1465	367	515	583		
	Tỷ lệ	99,2	98,4	99,4	99,5		
2	Đạt	12	6	3	3		
	Tỷ lệ	0,8	1,6	0,6	0,5		
3	Cần cố gắng						
	Tỷ lệ						
	Thế chất						
1	Tốt	1473	370	518	585		
	Tỷ lệ	99,7	99,2	100	99,8		
2	Đạt	4	3		1		
	Tỷ lệ	0,3	0,8		0,2		
3	Cần cố gắng						
	Tỷ lệ						
IV	Số học sinh chia theo phẩm chất						
A	Chăm học, chăm làm	578					
1	Tốt	559				320	239
	Tỷ lệ	96,7				94,7	99,6
2	Đạt	19				18	1
	Tỷ lệ	3,3				5,3	0,4
3	Cần cố gắng						
	Tỷ lệ						
B	Tự tin, trách nhiệm						
1	Tốt	572				332	240
	Tỷ lệ	99				98,2	100,0
2	Đạt	6				6	
	Tỷ lệ	1				1,8	
3	Cần cố gắng						

	Tỷ lệ						
C	Trung thực, kỷ luật					336	240
1	Tốt	576				99.4	100.0
	Tỷ lệ	99.6				2	
2	Đạt	2				0.6	
	Tỷ lệ	0.4					
3	Cần cố gắng						
	Tỷ lệ						
D	Đoàn kết, yêu thương						
1	Tốt	576				336	240
	Tỷ lệ	99.6				99.4	100.0
2	Đạt	2				2	
	Tỷ lệ	0.4				0.6	
3	Cần cố gắng						
	Tỷ lệ						
	Yêu nước	1477					
1	Tốt	1473	370	518	585		
	Tỷ lệ	99.07	99.2	100.0	99.8		
2	Đạt	4	3		1		
	Tỷ lệ	0.3	0.8		0.2		
3	Cần cố gắng						
	Tỷ lệ						
	Nhân ái						
1	Tốt	1465	370	512	583		
	Tỷ lệ	99.2	99.2	98.8	99.5		
2	Đạt	12	3	6	3		
	Tỷ lệ	0.8	0.8	1.2	0.5		
3	Cần cố gắng						
	Tỷ lệ						
	Chăm chỉ						
1	Tốt	1389	367	485	537		
	Tỷ lệ	94	98.4	93.6	91.6		
2	Đạt	86	6	32	48		
	Tỷ lệ	5.8	1.6	6.2	8.2		

3	Cần cố gắng	2		1	1		
	Tỷ lệ	0.2		0.2	0.2		
	Trung thực						
1	Tốt	1471	370	518	583		
	Tỷ lệ	99.6	99.2	100.0	99.5		
2	Đạt	6	3		3		
	Tỷ lệ	0.4	0.8		0.5		
3	Cần cố gắng						
	Tỷ lệ						
	Trách nhiệm						
1	Tốt	1455	370	507	578		
	Tỷ lệ	98.5	99.2	97.9	98.6		
2	Đạt	20	3	10	7		
	Tỷ lệ	1.4	0.8	1.9	1.2		
3	Cần cố gắng	2		1	1		
	Tỷ lệ	0.1		0.2	0.2		
VI	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
A	Tiếng việt	2055					
1	Hoàn thành tốt	1844	338	477	499	301	229
	Tỷ lệ	89.7	90,6	92,1	85,1	89,05	95,42
2	Hoàn thành	205	31	40	86	37	11
	Tỷ lệ	10	8,3	7.7	14.7	10,95	4,58
3	Chưa hoàn thành	6	4	1	1		
	Tỷ lệ	0.3	1,1	0.2	0.2		
B	Toán						
1	Hoàn thành tốt	1867	328	450	545	317	227
	Tỷ lệ	90,9	87,9	86,9	93	93.8	94,6
2	Hoàn thành	184	43	67	40	21	13
	Tỷ lệ	8,9	11,5	12,9	6,8	6,2	5,4
3	Chưa hoàn thành	4	2	1	1		
	Tỷ lệ	0.2	0,5	0,2	0,2		
C	Đạo đức						
1	Hoàn thành tốt	2032	371	507	576	338	240

	Tỷ lệ	98,9	99,5	97,9	98,3	100	100
2	Hoàn thành	23	2	11	10		
	Tỷ lệ	1,1	0,5	2,1	1,7		
3	Chưa hoàn thành						
	Tỷ lệ						
D	Tự nhiên - Xã hội	1477					
1	Hoàn thành tốt	1426	365	506	555		
	Tỷ lệ	96,5	97,9	97,7	94,7		
2	Hoàn thành	51	8	12	31		
	Tỷ lệ	3,5	2,1	2,3	5,3		
3	Chưa hoàn thành						
	Tỷ lệ						
E	Khoa học	578					
1	Tốt	566				331	235
	Tỷ lệ	98				97,9	97,9
2	Hoàn thành	12				7	5
	Tỷ lệ	2				2,1	2,1
3	Chưa hoàn thành						
	Tỷ lệ						
F	Lịch sử - Địa lý	578					
1	Hoàn thành tốt	566				328	238
	Tỷ lệ	98				97	99,2
2	Hoàn thành	12				10	2
	Tỷ lệ	2				3	0,8
3	Chưa hoàn thành						
	Tỷ lệ						
G	Âm nhạc						
1	Hoàn thành tốt	1785	336	455	487	295	212
	Tỷ lệ	86,9	90,1	87,8	83,1	87,3	88,3
2	Hoàn thành	270	37	63	99	43	28
	Tỷ lệ	13,1	9,9	12,2	16,9	12,7	11,7
3	Chưa hoàn thành						
	Tỷ lệ						

H	Mĩ thuật						
1	Hoàn thành tốt	1975	360	487	564	336	228
	Tỷ lệ	96.1	96,5	94	96,3	99,4	95
2	Hoàn thành	80	13	31	22	2	12
	Tỷ lệ	3,9	3,5	6	3,7	0,6	5
3	Chưa hoàn thành						
	Tỷ lệ						
I	Kỹ thuật	578					
1	Hoàn thành tốt	576				336	240
	Tỷ lệ	99.6				99,4	100
2	Hoàn thành	2				2	
	Tỷ lệ	0.4				0,6	
3	Chưa hoàn thành						
	Tỷ lệ						
J	HĐTN	1477					
1	Hoàn thành tốt	1453	367	507	579		
	Tỷ lệ	98.4	98,4	97,9	98,8		
2	Hoàn thành	24	6	11	7		
	Tỷ lệ	1.6	1,6	2,1	1,2		
3	Chưa hoàn thành						
	Tỷ lệ						
K	Thể dục	2055					
1	Hoàn thành tốt	1853	332	489	526	317	189
	Tỷ lệ	90.2	90	94,4	89,8	93,8	78,8
2	Hoàn thành	202	41	29	60	21	51
	Tỷ lệ	9.8	10	5,6	10,2	6,2	21,2
3	Chưa hoàn thành						
	Tỷ lệ						
L	Ngoại ngữ (Tiếng anh)	1164					
1	Hoàn thành tốt	727			366	215	146
	Tỷ lệ	62.5			62,5	63,61	60,83
2	Hoàn thành	436			219	123	94
	Tỷ lệ	37.4			37,4	36,39	39,17
3	Chưa hoàn thành	1			1		

	Tỷ lệ	0.1			0,2		
M	Tin học						
	Hoàn thành tốt	213			520	298	213
1	Tỷ lệ	88.6			88,7	88,2	88,7
					66	40	27
2	Hoàn thành	133			11,3	11,8	11,3
	Tỷ lệ	11.4					
3	Chưa hoàn thành						
	Tỷ lệ						
VII	Tổng kết Cuối năm	2055					
A	Hoàn thành chương trình lớp	2049	369	517	585	338	240
	Tỷ lệ	99.7	98.9	99.8	99.8	100.0	100.0
B	Không hoàn thành chương trình lớp	6	4	1	1		
	Tỷ lệ	0.3	1.1	0.2	0.2		

Gò Vấp, ngày 10 tháng 08 năm 2023



Hồ Thị Hồng Hà